



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Xi măng La Hiên VVMI

Ngày 31/03/2025	23,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.0%	11.2%	5.3%

DT thuần Q1/25
146
tỷ VNĐ
QoQ: ▼80.0 -35.2%
YoY: ▲ 29.0 25.2%

LN thuần Q1/25
3.28
tỷ VNĐ
QoQ: ▼23.5 -87.8%
YoY: ▲ 2.81 598%

LN sau thuế Q1/25
2.19
tỷ VNĐ
QoQ: ▼19.0 -89.6%
YoY: ▲ 1.83 510%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
1.9%
YoY: +/- ▼ 9.9%

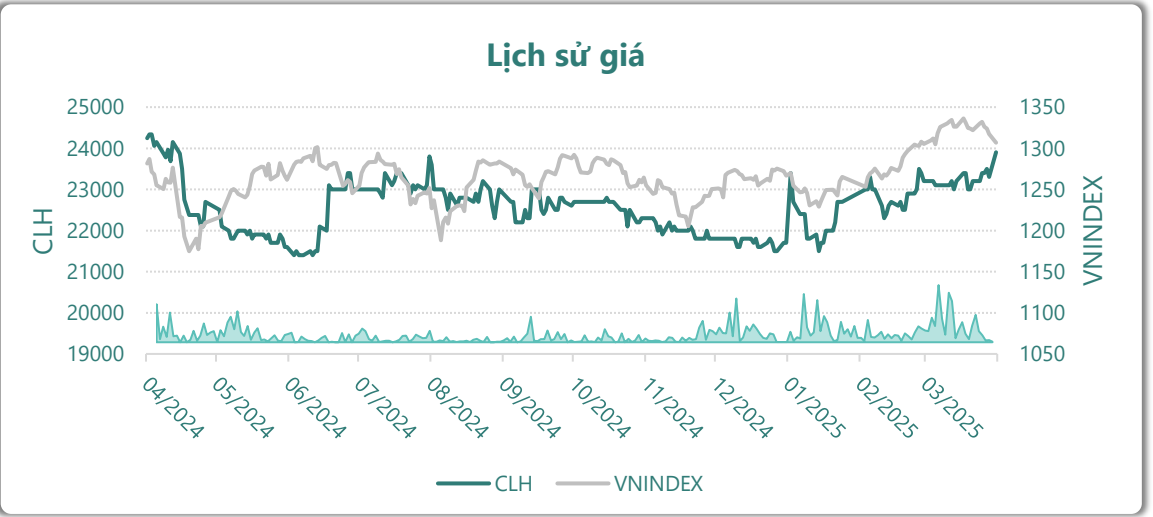
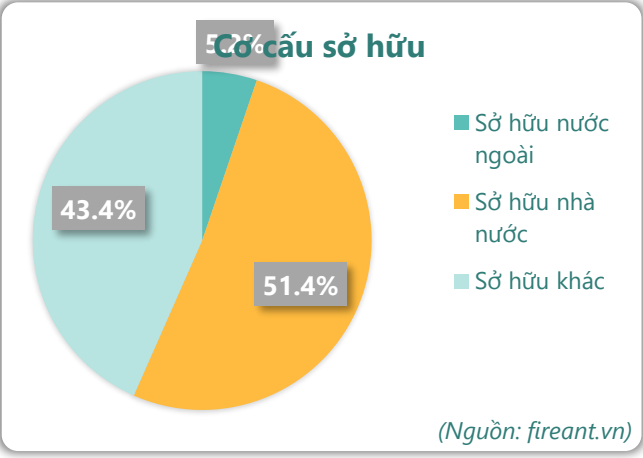
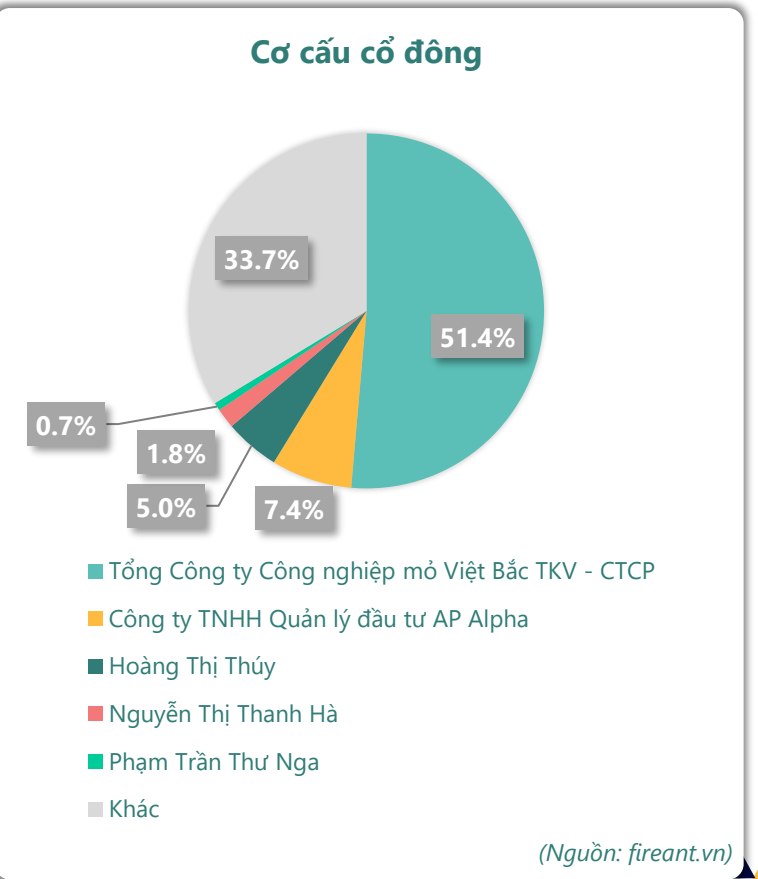
ROE (TTM) Q1/25
20.3%
YoY: +/- ▲ 0.8%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	21,400 - 24,338
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	287
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,075
Sở hữu nước ngoài	5.2%
Beta	0.20
EPS	3,376
P/E	7.1

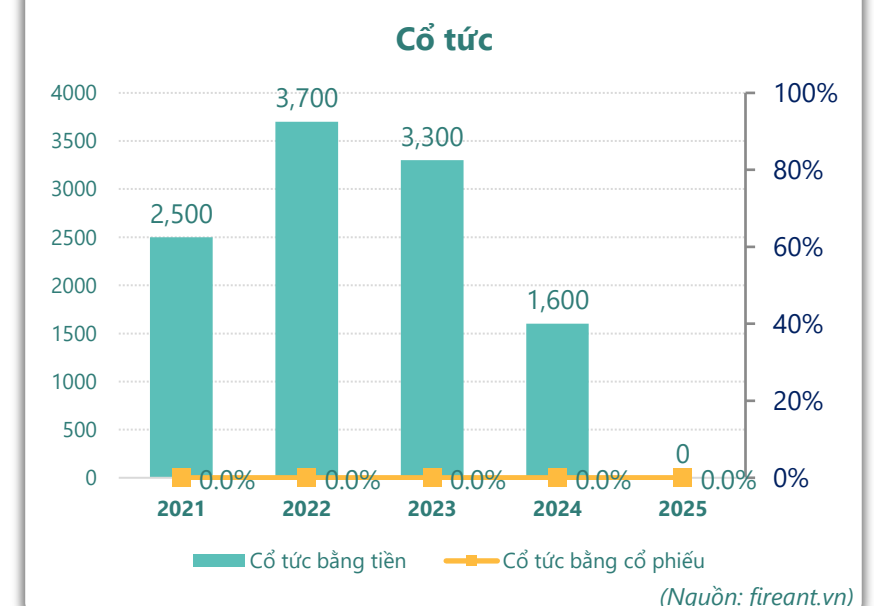
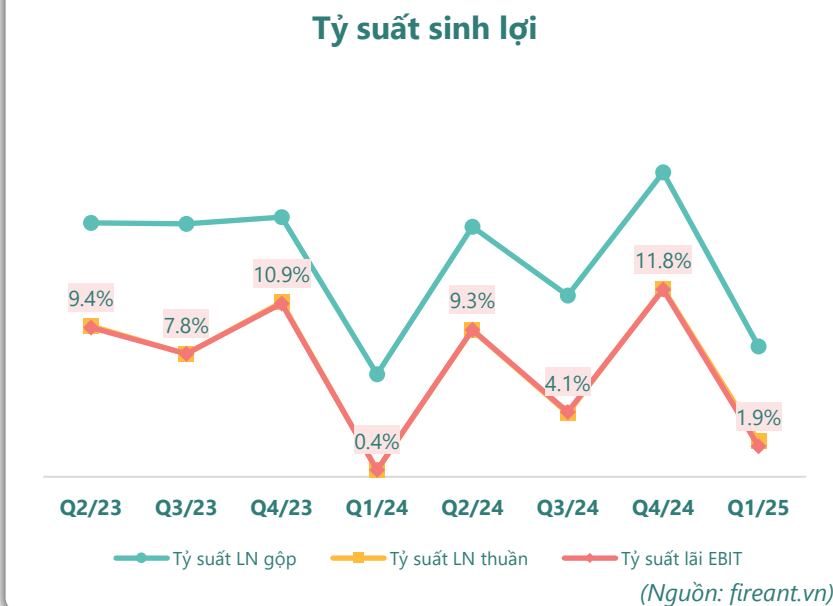
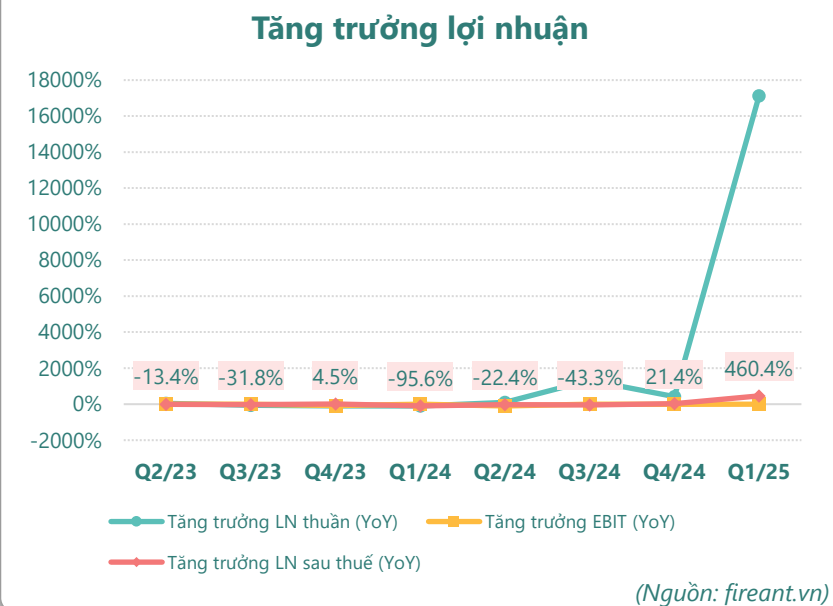
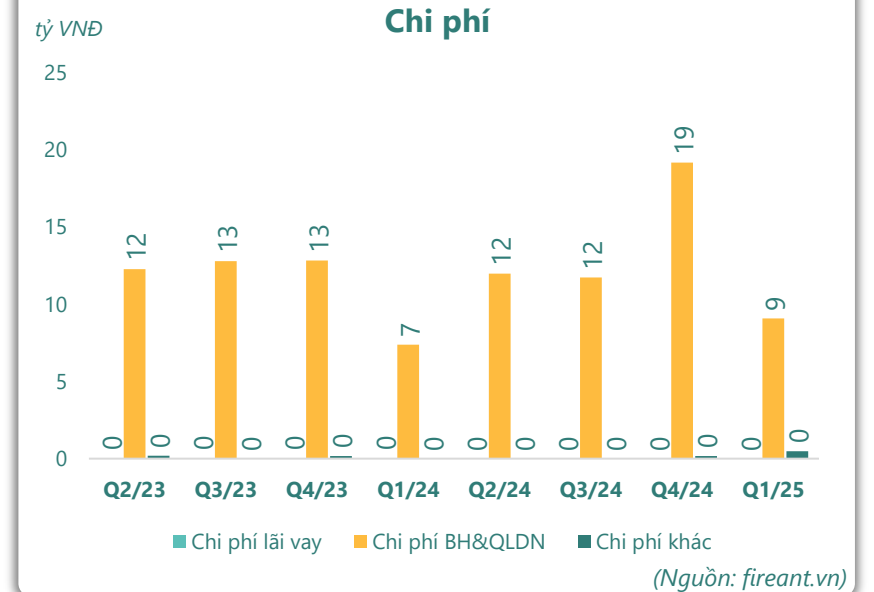
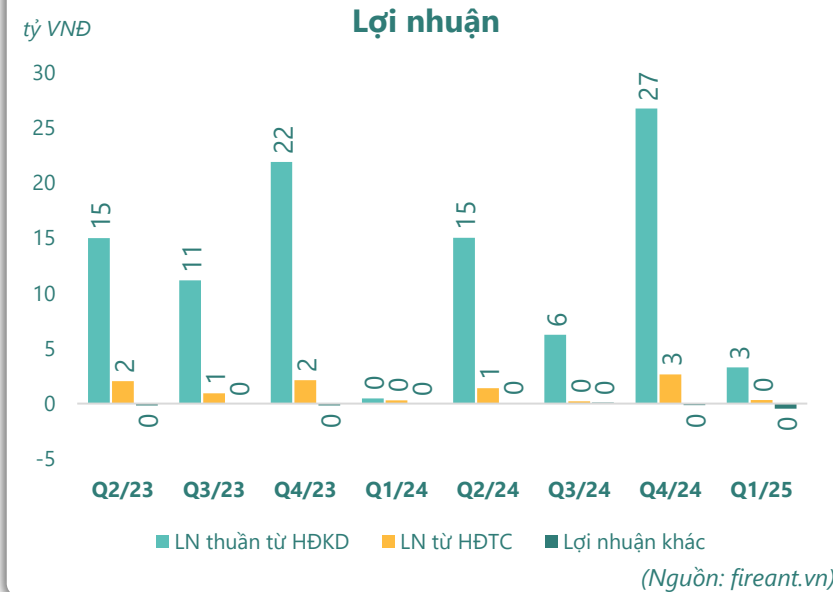
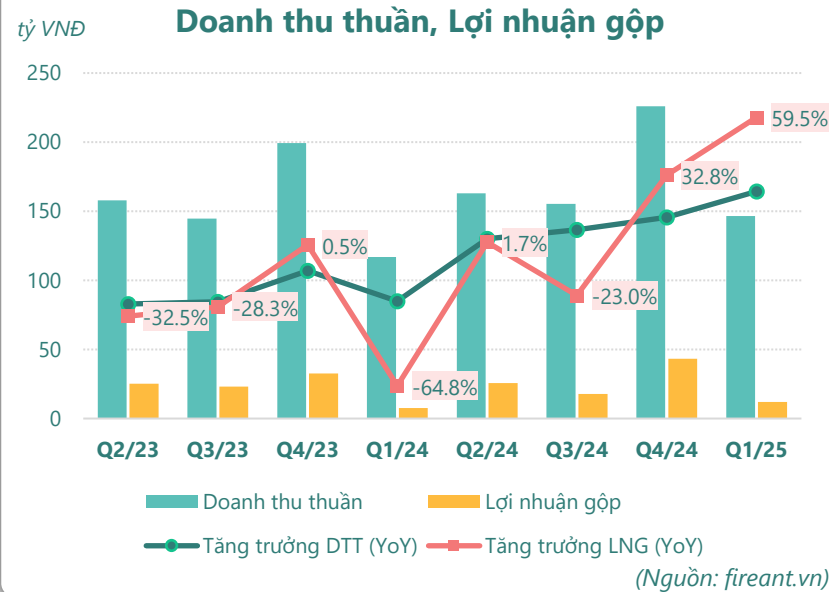
DT thuần 2024
661
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.00 0.3%

LN thuần 2024
48.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.0 -19.8%

LN sau thuế 2024
38.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.40 -17.9%



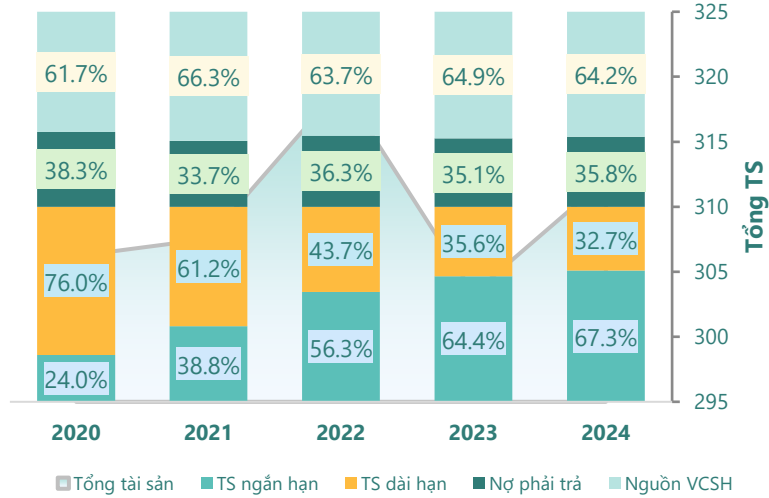
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

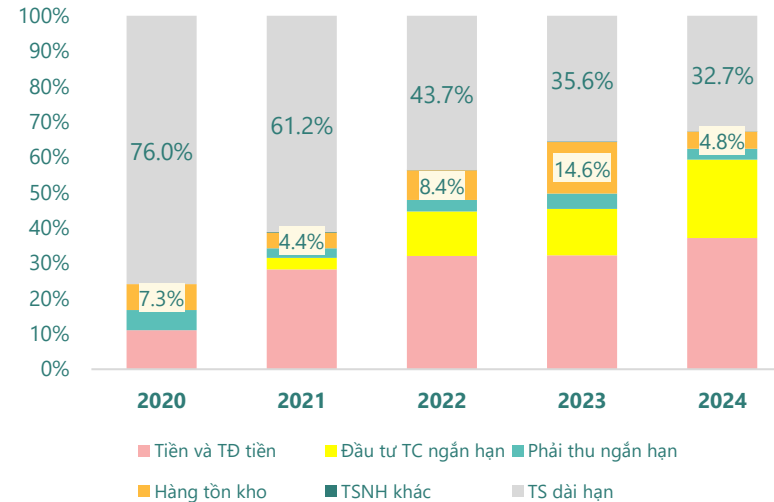
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

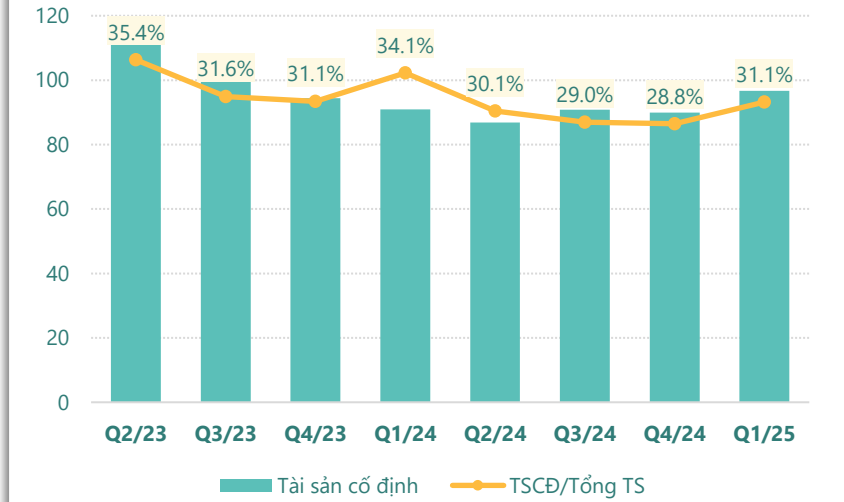
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

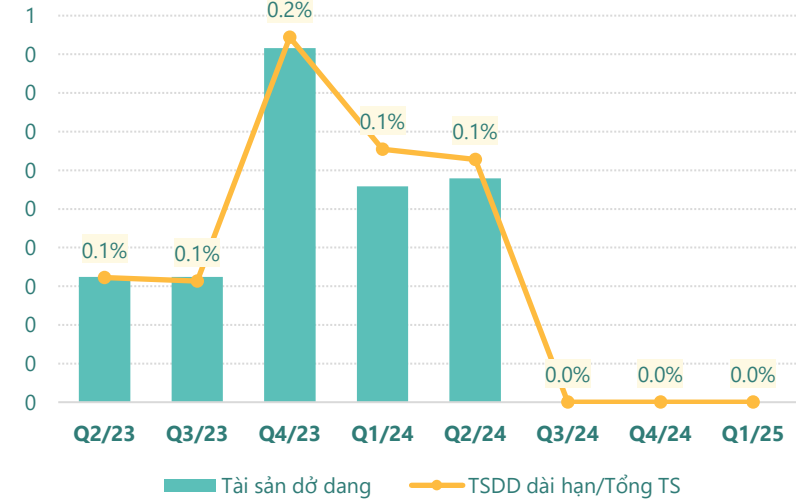
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

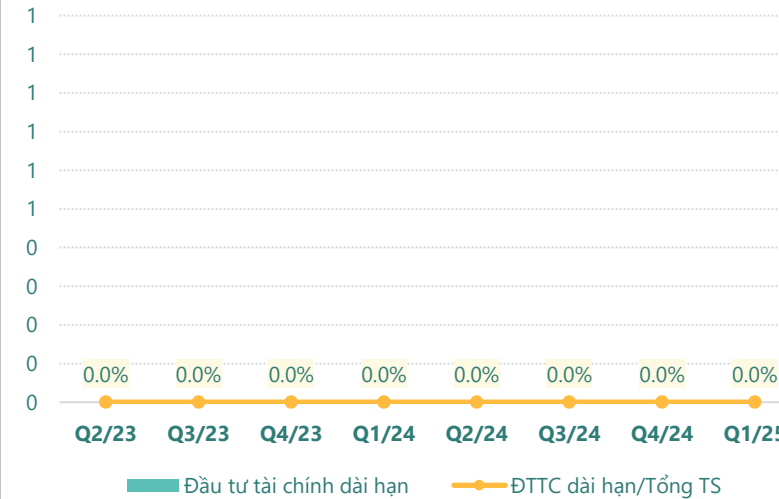
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

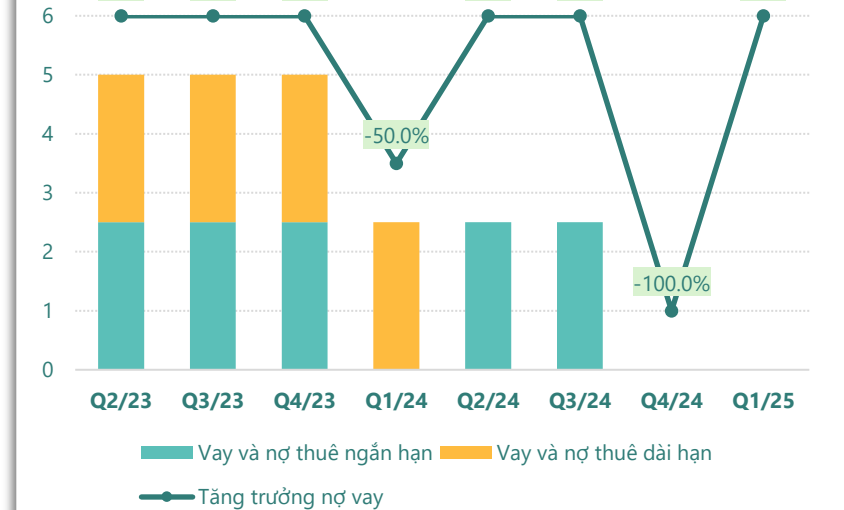
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

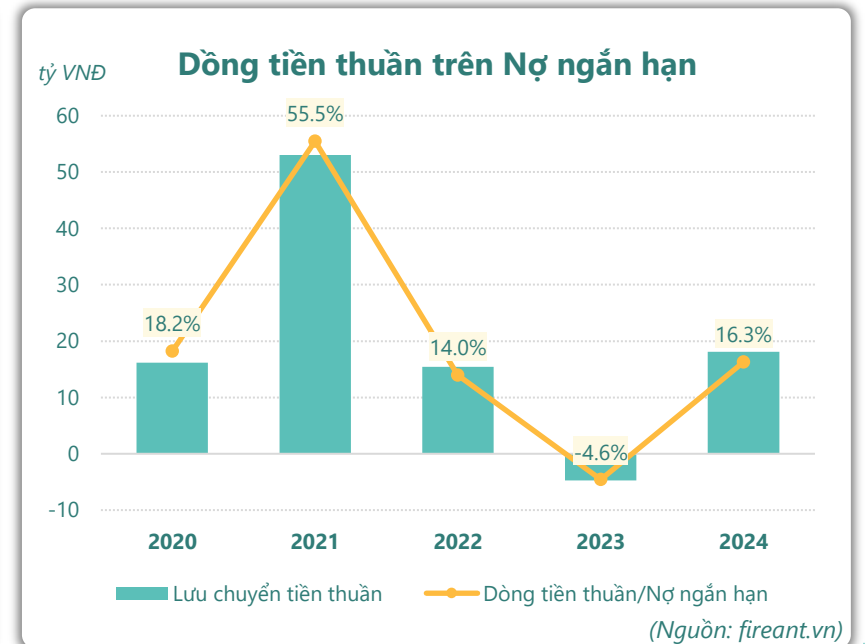
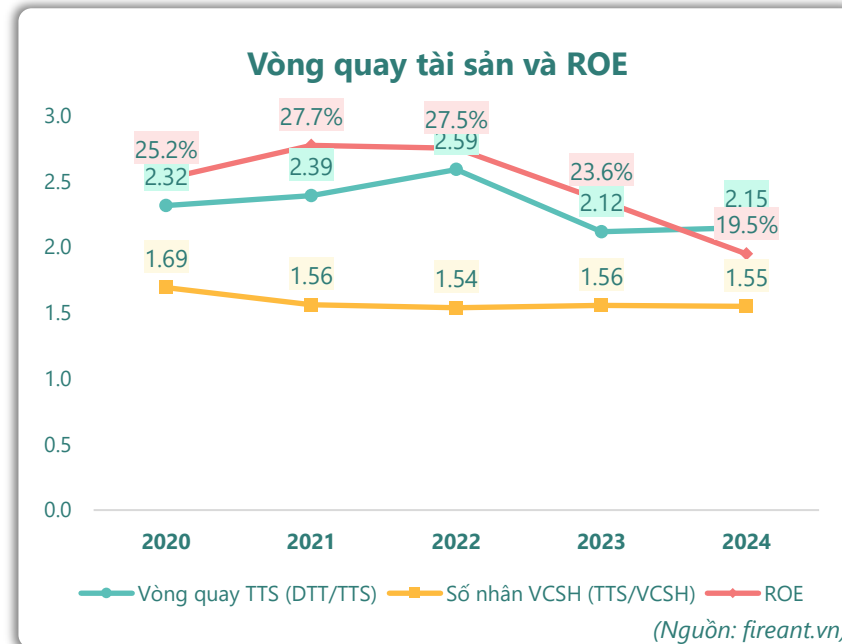
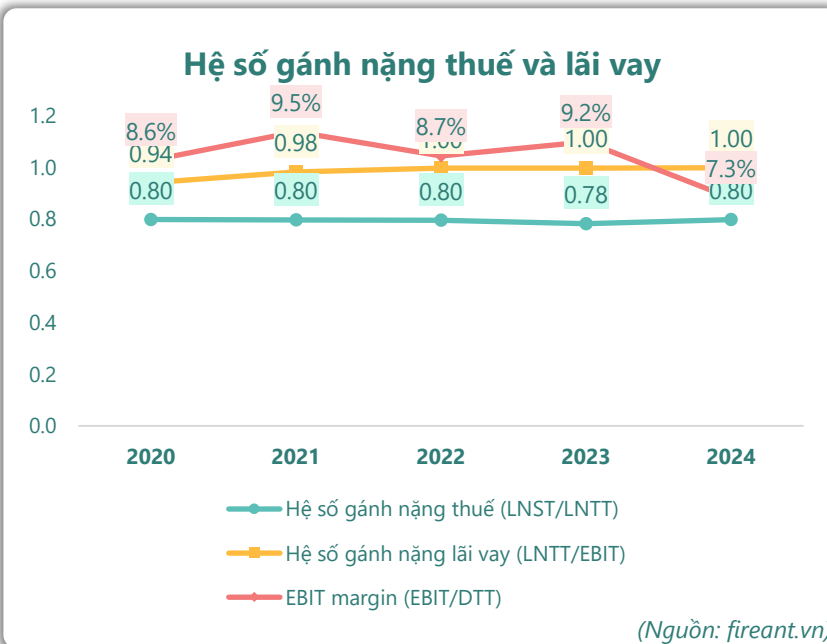
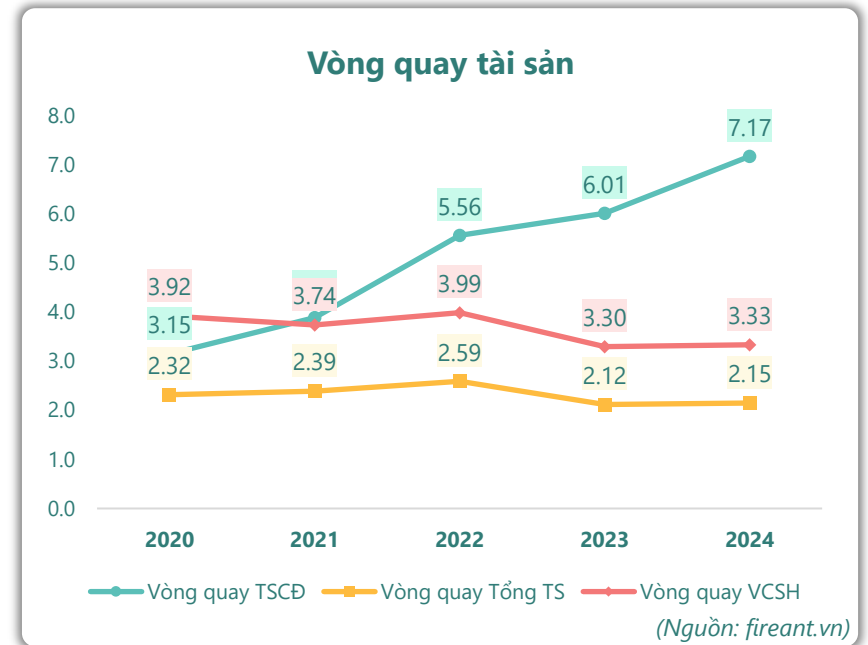
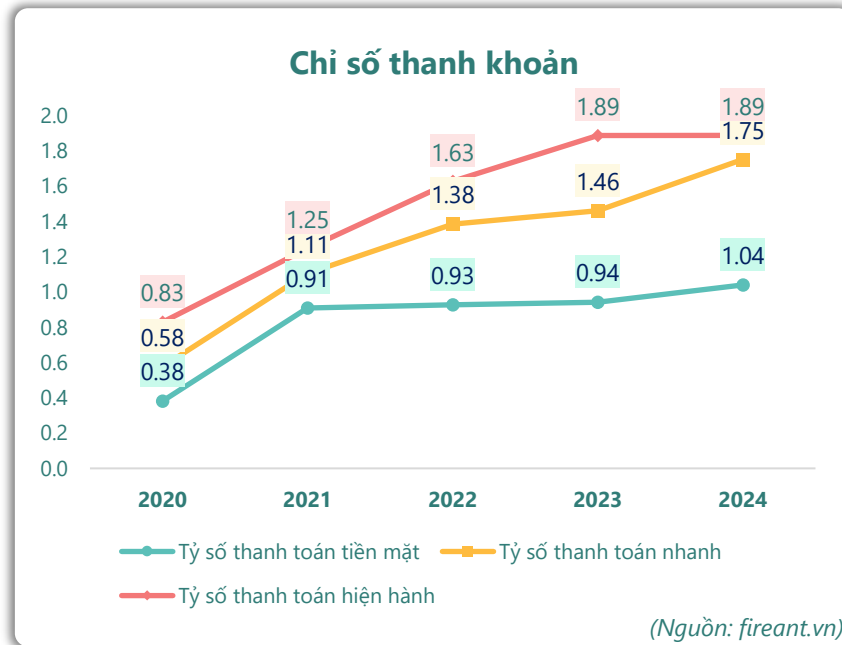
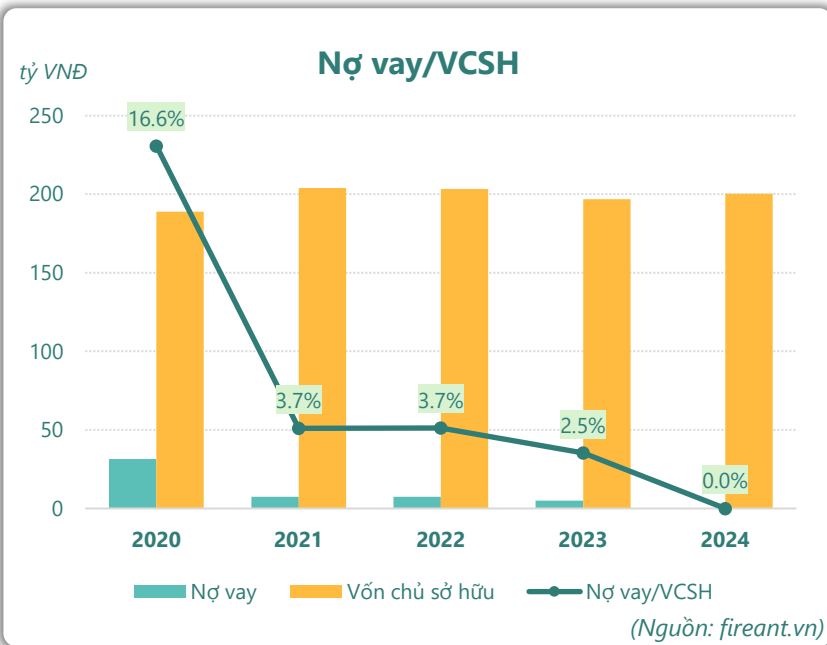
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	146	117	25.2%	661	659	0.3%
Giá vốn hàng bán	134	109	23.3%	567	557	1.8%
Lợi nhuận gộp	12.0	7.55	59.6%	94.3	102	-7.9%
Doanh thu HĐTC	0.32	0.34	-5.3%	4.73	5.72	-17.3%
Chi phí TC	0	0.04	-100%	0.17	0.24	-28.7%
Chi phí lãi vay	0	0.03	-100%	0.06	0.13	-51.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.95	1.32	47.5%	12.3	13.0	-5.2%
Chi phí QLDN	7.14	6.07	17.6%	38.0	34.4	10.5%
LN thuần từ HĐKD	3.28	0.47	598%	48.5	60.5	-19.8%
Lợi nhuận khác	-0.48	0.00		-0.04	-0.26	85.2%
LN trước thuế	2.81	0.47	497%	48.5	60.2	-19.5%
Lợi nhuận sau thuế	2.19	0.36	510%	38.7	47.1	-17.9%
LNST của CĐ cty mẹ	2.19	0.36	510%	38.7	47.1	-17.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.05	-31.1	38.3	53.2	28.7	-17.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.30	-0.16	-8.58	-18.4	-20.0	-0.80
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.1	-2.50	-18.9	0.00	-2.50	0
Tiền đầu kỳ	102	97.6	63.9	74.7	110	116
Lưu chuyển tiền thuần	-4.38	-33.7	10.8	34.8	6.20	-18.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	97.6	63.9	74.7	110	116	97.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	311	312	-0.2%
Tài sản ngắn hạn	203	210	-3.5%
Tiền và tương đương tiền	97.6	116	-15.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	59.5	69.5	-14.4%
Phải thu ngắn hạn	15.4	9.61	60.4%
Hàng tồn kho	30.1	15.1	98.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.06	0.08	-22.6%
Tài sản dài hạn	109	102	6.4%
Phải thu dài hạn	0.63	0.59	6.6%
Tài sản cố định	96.7	90.0	7.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	11.3	11.5	-1.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	109	112	-2.6%
Nợ ngắn hạn	108	111	-2.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	55.2	42.6	29.6%
Nợ dài hạn	0.63	0.59	6.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	202	200	1.1%
Vốn chủ sở hữu	202	200	1.1%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

